TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1812/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2022
V/v tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1651/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc V, sinh năm 1989; cư trú tại: Đường T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngô Hồng T - Luật sư công ty TNHH MTV Hãng luật Tường Trương Xuân T thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt);

Bị đơn: Ông Bùi Thế P, sinh năm 1985; cư trú tại: Đường Q, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Ngọc V trình bày:

Bà và ông Bùi Thế P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, bà và ông P có hai con chung tên Bùi Gia Nhật A, sinh ngày 10/6/2011 và Bùi Gia Phương M, sinh ngày 01/01/2014.

Do cả hai không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Bùi Thế P.

Về con chung: Bà V yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Bùi Thế P trình bày:

Ông P xác nhận, ông và bà V chung sống như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, ông và bà V có hai con chung tên Bùi Gia Nhật A, sinh ngày 10/6/2011 và Bùi Gia Phương M, sinh ngày 01/01/2014.

Ông P đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân, cụ thể:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Ngọc V.

Về con chung: Ông đồng ý để bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khởi kiện nộp ngày 24/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, đây là tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Ngọc V và ông Bùi Thế P cùng xác nhận, đôi bên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ giữa bà V và ông P không được pháp luật công nhận là vợ chồng và không phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của các đương sự; căn cứ giấy khai sinh số 181, quyển số 01/2011 ngày 07/7/2011 và giấy khai sinh số 14, quyển số 01/2014 ngày 15/01/2014 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định: Quá trình chung sống, bà V và ông P có hai con chung tên Bùi Gia Nhật A, sinh ngày 10/6/2011 và Bùi Gia Phương M, sinh ngày 01/01/2014.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, hai bên thỏa thuận bà Võ Ngọc V là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái với pháp luật nên căn cứ Điều 15, khoản 1 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Bùi Gia Nhật A, sinh ngày 10/6/2011 và trẻ Bùi Gia Phương M, sinh ngày 01/01/2014 cho bà Võ Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] *Về án phí*: Bà Võ Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016; khoản 4 Điều 147, các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc V.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Ngọc V và ông Bùi Thế P.

2. Bà Võ Ngọc V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Bùi Gia Nhật A, sinh ngày 10/6/2011 và Bùi Gia Phương M, sinh ngày 01/01/2014.

Ông Bùi Thế P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0012001 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Đăng Tân